

Số: 348 /QĐ-BNN-KTHT

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp
cho lao động nông thôn năm 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 5480/QĐ-BNN-KTHT ngày 29/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2016-2020.

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2020.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Chánh Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ban Chỉ đạo Đào tạo nghề nông nghiệp;
- Các Vụ: Tài chính; Kế hoạch; Tổ chức Cán bộ;
- Văn phòng ĐPNTM; Trung tâm Khuyến nông QG;
- Lưu: VT, KTHT (250b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Thanh Nam

Phụ lục
CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN
NĂM 2020
 (Kèm theo Quyết định số 348 /QĐ-BNN-KTHT, ngày 10 tháng 02 năm 2020
 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ĐVT: người

STT	Đơn vị đào tạo	Năm 2020
A	ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP VÀ DƯỚI 3 THÁNG	220.000
A1	Các địa phương	213.500
I	Miền núi phía Bắc	57.035
1	Hà Giang	7.700
2	Thái Nguyên	3.700
3	Tuyên Quang	1.700
4	Cao Bằng	4.200
5	Lạng Sơn	4.700
6	Lào Cai	2.850
7	Yên Bái	2.200
8	Bắc Kan	2.000
9	Phú Thọ	2.600
10	Hòa Bình	3.840
11	Sơn La	2.600
12	Lai Châu	5.300
13	Điện Biên	5.000
14	Bắc Giang	6.240
15	Quảng Ninh(*)	2.405
II	Đồng bằng sông Hồng	40.900
16	Hà Nội (*)	17.600
17	Hải Phòng(*)	1.500
18	Hải Dương	2.000
19	Hưng Yên (*)	2.500
20	Hà Nam	2.500
21	Nam Định(*)	3.100
22	Thái Bình	4.800
23	Ninh Bình	2.600
24	Vĩnh Phúc(*)	2.500
25	Bắc Ninh(*)	1.800
III	Miền Trung	38.345
26	Thanh Hóa	3.100
27	Nghệ An	6.150
28	Hà Tĩnh	3.100
29	Quảng Bình	2.500
30	Quảng Trị	3.500
31	Thừa Thiên Huế	2.800

STT	Đơn vị đào tạo	Năm 2020
32	Đà Nẵng(*)	1.195
33	Quảng Nam	4.000
34	Quảng Ngãi	1.350
35	Bình Định	2.400
36	Phú Yên	1.350
37	Khánh Hòa(*)	1.700
38	Ninh Thuận	2.200
39	Bình Thuận	3.000
IV	Tây Nguyên	17.490
40	Kon Tum	1.300
41	Gia Lai	5.000
42	Đắk Lắk	2.390
43	Đắk Nông	4.000
44	Lâm Đồng	4.800
V	Đông Nam Bộ	11.300
45	Bình Dương(*)	1.300
46	Bình Phước	2.100
47	TP. Hồ Chí Minh(*)	2.100
48	Tây Ninh	2.600
49	Đồng Nai(*)	2.200
50	Bà Rịa-Vũng Tàu(*)	1.000
VI	Đồng bằng sông Cửu Long	48.430
51	Long An	3.300
52	Tiền Giang	2.300
53	Vĩnh Long	1.900
54	Cần Thơ(*)	2.000
55	Hậu Giang	1.300
56	Bến Tre	3.100
57	Trà Vinh	1.800
58	Sóc Trăng	5.900
59	An Giang	2.800
60	Đồng Tháp	3.930
61	Kiên Giang	5.600
62	Bạc Liêu	5.000
63	Cà Mau	9.500
A2	Bộ Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan đoàn thể khác	6.500
B	ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP VÀ CAO ĐẲNG	80.000
	TỔNG CỘNG (A+B)	300.000

Ghi chú: các tỉnh (*) là các tỉnh tự cân đối ngân sách